

Số : *1997* /QĐ-UBND

An Nhơn, ngày *10* tháng 4 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
**Về việc công bố thực hiện dự toán ngân sách nhà nước
quý 1 năm 2019 của thị xã An Nhơn**

ỦY BAN NHÂN DÂN THỊ XÃ AN NHƠN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Nghị quyết số 14/NQ-HĐND ngày 20/12/2018 của Hội đồng nhân dân thị xã An Nhơn về dự toán ngân sách thị xã năm 2019

Xét đề nghị của Trưởng Phòng Tài chính-Kế hoạch thị xã,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Công bố công khai số liệu thực hiện dự toán ngân sách nhà nước quý 1 năm 2019 của thị xã An Nhơn (theo các biểu chi tiết kèm theo Quyết định này).

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3: Chánh Văn phòng HĐND và UBND thị xã, Trưởng Phòng Tài chính - Kế hoạch thị xã và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký. *tuyl*

Nơi nhận:

- UBND tỉnh BĐ;
- Sở Tài chính,
- Văn phòng Thị ủy;
- VP HĐND&UBND thị xã;
- Viên kiểm sát nhân dân thị xã,
- Tòa án nhân dân thị xã,
- Các cơ quan, đơn vị thuộc thị xã;
- UBND các xã, phường
- Lưu: VT. *an*

CHỦ TỊCH

Đặng Vĩnh Sơn
Đặng Vĩnh Sơn

THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC QUÝ I NĂM 2019

(Kèm theo Quyết định số 199/QĐ-UBND ngày 10 tháng 4 năm 2019 của UBND thị xã)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm	Thực hiện quý I	So sánh ước thực hiện với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3=2/1	4
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	675.400	238.292	35,3	11,6
I	Thu nội địa	675.400	238.292	35,3	96,1
1	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước				
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài				
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	164 500	31 647	19,2	5,9
4	Thuế thu nhập cá nhân	14 000	3 393	24,2	30,5
5	Thuế bảo vệ môi trường				
6	Lệ phí trước bạ	22 300	7 183	32,2	75,2
7	Thu phí, lệ phí	12 500	3 505	28,0	-
8	Các khoản thu về nhà, đất	428 100	187 582	43,8	266,4
-	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	1 100	259	23,5	159,0
-	Thu tiền sử dụng đất	411 000	175 562	42,7	251,1
-	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	16 000	11 761	73,5	969,2
9	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết				
10	Thu khác ngân sách	14 000	4 302	30,7	4,4
11	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác	9 000	381	4,2	81,0
12	Thu HĐ ĐG từ các khai thác đá cát	1 000	250	25,0	37,5
13	Thu đóng góp XDCS hạ tầng	1 000	49	4,9	90,2
	Thu về quản lý, SD đất trồng lúa	5 000	-	-	
	Nguồn dự toán năm trước chuyển sang	4 000	-	-	
II	Thu viện trợ				
B	THU NGÂN SÁCH THỊ XÃ ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP	672.960	238.214	35,4	356,0
1	Từ các khoản thu phân chia	110 860	203 918	183,9	786,6
2	Các khoản thu ngân sách huyện được hưởng 100%	562 100	34 296	6,1	17,3
C	Thu chuyển nguồn		12.441		

THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH THỊ XÃ QUÝ I NĂM 2019

(Kèm theo Quyết định số 193/QĐ-UBND ngày 10 tháng 4 năm 2019 của UBND thị xã)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm	Thực hiện quý I	So sánh ước thực hiện với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ
A	B	1	2	3=2/1	4
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH THỊ XÃ	941.316	190.937	20,3	46,6
A	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH THỊ XÃ	897.231	164.130	18,3	38,7
I	Chi đầu tư phát triển	438.990	73.220	16,7	86,5
1	Chi đầu tư cho các dự án	438.990	73.220	16,7	
2	Chi đầu tư phát triển khác	-			
II	Chi thường xuyên	434.555	85.807	19,7	8,5
	<i>Trong đó</i>				
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	223.547	49.867	22,3	5,8
2	Chi khoa học và công nghệ	1.320	1.022	77,4	773,5
3	Chi y tế, dân số và gia đình	-			
4	Chi văn hóa thông tin	2.130	338	15,9	0,6
5	Chi phát thanh, truyền hình	2.002	192	9,6	4,0
6	Chi thể dục thể thao	976	102	10,5	54,5
7	Chi bảo vệ môi trường	4.990	54	1,1	96,7
8	Chi hoạt động kinh tế	27.898	7.928	28,4	104,5
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý hành chính, đảng, đoàn thể	31.269	6.398	20,5	10,2
10	Chi bảo đảm xã hội	41.049	13.091	31,9	0,7
III	Dự phòng ngân sách	17.976	199	1,1	
IV	Chi cấp bù thủy lợi phí	5.710	4.904	85,9	54,9
B	CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH CẤP TRÊN	44.085	26.807	60,8	180,9
1	Chương trình mục tiêu quốc gia				
2	Cho các chương trình dự án quan trọng vốn đầu tư				
3	Cho các nhiệm vụ, chính sách kinh phí thường xuyên	44.085	26.807	60,8	180,9

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH THỊ XÃ QUÝ I NĂM 2019

(Kèm theo Quyết định số 199/QĐ-UBND ngày 10 tháng 4 năm 2019 của UBND thị xã)

Đơn vị: Triệu đồng

ST T	NỘI DUNG	Dự toán năm	Ước thực hiện quý I	So sánh ước thực hiện với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3=2/1	4
A	TỔNG NGUỒN THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	943.756	329.559	34,9	54,3
I	Thu cân đối NSNN	675.400	238.292	35,3	118,1
1	Thu nội địa	675 400	238 292	35,3	118,1
2	Thu viên trợ				
II	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang		12.441		76,1
III	Thu bổ sung mục tiêu	268.356	78.826	29,4	50,9
B	TỔNG CHI NGÂN SÁCH THỊ XÃ	941.316	190.937	20,3	45,7
I	Tổng chi cân đối ngân sách thị xã	897.231	164.130	18,3	35,1
1	Chi đầu tư phát triển	438 990	73 220	16,7	86,5
2	Chi thường xuyên	434 555	85 807	19,7	8,5
3	Dự phòng ngân sách	17 976	199	1,1	
4	Chi cấp bù thủy lợi phí	5 710	4 904	85,9	54,9
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu cho NS xã, phường	44.085	26.806	60,8	130,9